

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**

Số: 9488/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Việt Trì, ngày 15 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý đô thị thành phố Việt Trì.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-TTg ngày 04/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Việt Trì là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2013/NQ-HĐND ngày 24/7/2013 của HĐND thành phố Việt Trì về việc thông qua Quy chế quản lý đô thị thành phố Việt Trì (sửa đổi, bổ sung);

Xét đề nghị của Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 93/TTr-QLĐT ngày 07/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế quản lý đô thị thành phố Việt Trì, bao gồm 11 Chương, 57 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2013.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các phường, xã, các tổ chức, hộ gia đình và mọi cá nhân trên địa bàn Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp Phú Thọ;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Trang Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, QLĐT_(K).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Vân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 9488/QĐ-UBND ngày 15/10/2013
của UBND thành phố Việt Trì)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

1. Quy chế này bao gồm những quy định về quản lý nhà nước của UBND thành phố Việt Trì theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh Phú Thọ trong lĩnh vực quản lý đô thị, bao gồm: Quy hoạch đô thị; trật tự xây dựng đô thị; tài nguyên đất đai; quản lý, sử dụng và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật; môi trường, cây xanh, công viên và nghĩa trang; thực hiện nếp sống văn minh đô thị; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; trật tự an toàn giao thông; trật tự công cộng và các hoạt động văn hóa diễn ra trên địa bàn Thành phố.

2. Những nội dung không nêu trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đang sinh sống, làm việc và tham gia các hoạt động liên quan đến lĩnh vực quản lý đô thị trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quy hoạch đô thị là việc tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở để tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống trong đô thị, được thể hiện thông qua đồ án quy hoạch đô thị.

2. Đồ án quy hoạch đô thị là tài liệu thể hiện nội dung của quy hoạch đô thị, bao gồm các bản vẽ, mô hình, thuyết minh và quy định quản lý theo quy hoạch đô thị.

3. Quy hoạch chung là việc tổ chức không gian, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở cho một đô thị phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

4. Quy hoạch phân khu là việc phân chia và xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị của các khu đất, mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội trong một khu vực đô thị nhằm cụ thể hoá nội dung quy hoạch

chung.

5. Quy hoạch chi tiết là việc phân chia và xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, yêu cầu quản lý kiến trúc, cảnh quan của từng lô đất; bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội nhằm cụ thể hoá nội dung của quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung.

6. Quy hoạch điểm dân cư nông thôn là việc tổ chức không gian, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của điểm dân cư nông thôn.

7. Chỉ giới đường đỏ là đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa, để phân định ranh giới giữa phần đất được xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc các công trình hạ tầng kỹ thuật, không gian công cộng khác.

8. Chỉ giới xây dựng là đường giới hạn cho phép xây dựng công trình trên lô đất.

9. Giấy phép xây dựng là văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình.

10. Giấy phép xây dựng công trình là giấy phép được cấp để xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.

11. Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ là giấy phép được cấp để xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị hoặc nhà ở riêng lẻ tại nông thôn.

12. Giấy phép xây dựng tạm là giấy phép được cấp để xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ được sử dụng trong thời hạn nhất định theo thời hạn thực hiện quy hoạch đô thị.

13. Công trình xây dựng là sản phẩm được tạo thành bởi sức lao động của con người, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất.

14. Nhà ở riêng lẻ là công trình được xây dựng trong khuôn viên đất ở thuộc quyền sử dụng của cá nhân, hộ gia đình theo quy định của pháp luật.

15. Công trình theo tuyến là công trình xây dựng kéo dài theo phương ngang, như đường bộ, đường sắt, đường dây tải điện, đường cáp viễn thông, đường ống dẫn dầu, dẫn khí, cấp thoát nước, các công trình khác.

16. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giấy chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho người sử dụng đất để bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

17. Hủy hoại đất là hành vi làm biến dạng địa hình, làm suy giảm chất lượng đất, gây ô nhiễm đất làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định.

18. Hạ tầng kỹ thuật là hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật chính cấp đô thị, bao gồm các trục giao thông, tuyến truyền tải năng lượng, tuyến truyền dẫn cấp nước, tuyến công thoát nước, tuyến thông tin viễn thông và các công trình đầu mối kỹ thuật.

19. Đường bộ là đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

20. Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

21. Đất của đường bộ là phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và

phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

22. Hành lang an toàn đường bộ là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ, tính từ mép ngoài đất của đường bộ ra hai bên để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

23. Nước sạch là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng.

24. Cấp nước là các hoạt động có liên quan trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, bao gồm: quy hoạch, tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bán buôn nước sạch, bán lẻ nước sạch và sử dụng nước.

25. Mạng lưới cấp nước là hệ thống đường ống truyền dẫn nước sạch từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, bao gồm mạng cấp I, mạng cấp II, mạng cấp III và các công trình phụ trợ có liên quan.

26. Hệ thống thoát nước là mạng lưới cống, kênh mương thu gom và chuyên tải, hồ điều hoà, các công trình đầu mối (trạm bơm, nhà máy xử lý, cửa xả) và phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, vận chuyển, tiêu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải.

27. Hệ thống điện là hệ thống các trang thiết bị phát điện, lưới điện và các trang thiết bị phụ trợ được liên kết với nhau.

28. Lưới điện là hệ thống đường dây tải điện, máy biến áp và trang thiết bị phụ trợ để truyền dẫn điện. Lưới điện, theo mục đích sử dụng và quản lý vận hành, được phân biệt thành lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối.

29. Đồng hồ điện là thiết bị đo công suất, điện năng, dòng điện, điện áp, tần số, hệ số công suất.

30. Môi trường là các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật.

31. Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người, sinh vật.

32. Chất thải là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

33. Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác.

34. Chất thải rắn là vật chất ở thể rắn được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

35. Cây xanh đô thị là cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh trên vỉa hè dọc các tuyến đường, cây xanh sử dụng hạn chế và cây xanh chuyên dụng trong đô thị.

36. Cây cấm trồng là những cây có độc tố gây nguy hiểm cho con người hoặc cây không được trồng theo quy định.

37. Cây bảo tồn là cây cổ thụ, cây thuộc danh mục loài cây quý hiếm, cây được liệt kê trong sách đỏ thực vật Việt Nam, cây được công nhận có giá trị lịch sử văn hoá.

38. Nghĩa trang là nơi táng người chết tập trung theo các hình thức táng khác nhau, thuộc các đối tượng khác nhau và được quản lý, xây dựng theo quy hoạch.

39. Quản lý nghĩa trang là việc thực hiện các nội dung theo quy chế quản lý đã được phê duyệt.

Chương II

QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

Điều 4. Nguyên tắc quản lý quy hoạch đô thị:

1. Quy hoạch đô thị được thể hiện trên đồ án quy hoạch đô thị và được thực hiện theo đúng trình tự lập, thẩm định, phê duyệt.

2. Đồ án quy hoạch đô thị sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là cơ sở để: Quản lý trật tự xây dựng đô thị; triển khai các dự án đầu tư xây dựng; giao đất; xét duyệt địa điểm; lập kế hoạch cải tạo, xây dựng đô thị hàng năm; kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch đô thị trên địa bàn.

Điều 5. Lập đồ án quy hoạch đô thị:

1. Đồ án quy hoạch đô thị phải được các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện, năng lực hành nghề theo quy định lập và phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình kỹ thuật của Nhà nước.

2. UBND Thành phố tổ chức lập đồ án quy hoạch chung; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do UBND Thành phố quản lý.

3. UBND phường, xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan tiến hành điều tra, khảo sát, đề xuất khu vực cần lập quy hoạch với UBND Thành phố.

Điều 6. Công bố công khai và cấm mốc chỉ giới quy hoạch đô thị đã được phê duyệt để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình biết và thực hiện:

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi được phê duyệt, chủ đầu tư lập quy hoạch tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch đô thị đến các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong khu vực quy hoạch để biết, kiểm tra và thực hiện.

2. Đơn vị được giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan cắm mốc giới tại thực địa theo đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố:

1. Phòng Quản lý đô thị là đơn vị chủ trì tham mưu cho UBND Thành phố trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị trên địa bàn và có trách nhiệm:

1.1. Thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt đối với các quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền; kiểm tra, trình UBND Thành phố thỏa thuận đối với các quy hoạch của Tỉnh, quy hoạch giới thiệu địa điểm cho các cơ quan, tổ chức;

1.2. Tham mưu cho UBND Thành phố xây dựng kế hoạch lập quy hoạch chi tiết đất ở dân cư hàng năm;

1.3. Thường xuyên phối hợp với UBND phường, xã và các đơn vị có liên quan kiểm tra, đề xuất xử lý đối với các trường hợp thực hiện không đúng quy hoạch;

1.4. Kiểm tra, rà soát các quy hoạch không thực hiện trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được duyệt hoặc quy hoạch thực hiện không đạt yêu cầu để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền cho điều chỉnh hoặc hủy bỏ quy hoạch;

1.5. Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và các thông tin khác liên quan đến quy hoạch trong phạm vi đồ án quy hoạch đô thị do UBND Thành phố quản lý khi có tổ chức, cá nhân đề nghị cung cấp;

2. Đội Thanh tra trật tự đô thị có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đề xuất xử lý đối với các trường hợp thực hiện không đúng quy hoạch;

3. UBND phường, xã có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch trên địa bàn.

Chương III

QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

Điều 8. Nguyên tắc và nội dung quản lý trật tự xây dựng đô thị:

1. Nguyên tắc:

1.1. Việc xây dựng công trình phải được phép của cơ quan có thẩm quyền và phù hợp với quy hoạch đô thị, đảm bảo an ninh, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường, phù hợp với các quy định của pháp luật;

1.2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình vi phạm trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà ở đều bị xử lý theo quy định của pháp luật;

2. Nội dung quản lý trật tự xây dựng đô thị:

2.1. Tổ chức quản lý xây dựng theo quy hoạch và Giấy phép xây dựng được cấp;

2.2. Quản lý việc xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố;

2.3. Kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Các trường hợp không phải cấp Giấy phép xây dựng:

1. Công trình bí mật nhà nước, công trình theo lệnh khẩn cấp, công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính;

2. Công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

3. Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND các cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

4. Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kiến trúc các mặt ngoài, kết cấu chịu lực, công năng sử dụng và an toàn công trình như: trát tường, vữa tường, quét vôi, đảo ngói, sửa trần, lát nền, thay cửa, trang trí nội thất;

5. Công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ yêu cầu phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Điều 10. Trường hợp cấp Giấy phép xây dựng tạm thời:

1. Trường hợp xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại khu vực đã có quy hoạch chi tiết, quy hoạch điểm dân cư nông thôn được phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: UBND Thành phố sẽ cấp phép xây dựng tạm có thời hạn phù hợp với thời gian thực hiện quy hoạch.

2. Việc xây dựng tạm phải phù hợp với mục đích sử dụng đất.

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình phải có cam kết tự phá dỡ công trình khi thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng tạm hết hạn và không yêu cầu bồi thường đối với phần công trình phát sinh sau khi quy hoạch được công bố.

Trường hợp không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình.

Điều 11. Các yêu cầu bắt buộc đối với chủ đầu tư khi thi công xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ:

1. Phải có Giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền đối với những công trình theo quy định phải cấp Giấy phép xây dựng;

2. Có mặt bằng xây dựng và các công trình hạ tầng kỹ thuật được đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị tại khu vực đó;

3. Được UBND phường, xã nơi xây dựng công trình và Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Đội Thanh tra trật tự đô thị giao mốc giới xây dựng tại thực địa;

4. Có hợp đồng thi công xây dựng công trình với cá nhân có năng lực hành nghề hoặc tổ chức có tư cách pháp nhân. Trường hợp xây dựng nhà ở riêng lẻ nếu chủ đầu tư có đủ năng lực thì được tự thực hiện;

5. Có biện pháp thi công đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng và công trình lân cận;

6. Có biện pháp che, chắn, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng;

7. Đối với công trường xây dựng của các tổ chức, doanh nghiệp phải được treo biển thông tin về công trình tại công trường thi công.

Điều 12. Quyền hạn, trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình:

1. Quyền hạn:

1.1. Được cấp Giấy phép xây dựng khi thực hiện đầy đủ các thủ tục và có hồ sơ xin cấp phép xây dựng hợp lệ, đảm bảo theo quy định;

1.2. Khiếu nại, tố cáo cơ quan, cá nhân không thực hiện đúng quy định hoặc có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn trong việc cấp giấy phép xây dựng.

2. Trách nhiệm:

2.1. Trước khi khởi công xây dựng 07 ngày làm việc, chủ đầu tư xây dựng công trình phải báo cáo ngày khởi công, gửi kèm bản sao hồ sơ, giấy phép xây dựng cho UBND phường, xã nơi xây dựng công trình biết để theo dõi, quản lý. Đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng thì chủ đầu tư phải gửi bản sao các bản vẽ thiết kế, gồm: Mặt bằng, các mặt đứng, mặt cắt chính công trình; mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ đấu nối đường giao thông, thoát nước với hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào công trình;

2.2. Tổ chức thực hiện xây dựng công trình theo đúng nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp;

2.3. Bảo đảm an toàn, vệ sinh, môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình;

2.4. Không được làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận; phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi tổ chức thi công xây dựng công trình theo thỏa thuận hoặc kết quả giám định thiệt hại của cơ quan chức năng.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép xây dựng:

1. Thông báo công khai các điều kiện, thủ tục hành chính, quy trình, thời gian cấp giấy phép xây dựng tại bộ phận một cửa của UBND Thành phố và UBND phường, xã;

2. Thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo quy định;

3. Tổ chức kiểm tra, quản lý sau cấp phép xây dựng theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố:

1. Phòng Quản lý đô thị là đơn vị thẩm định, trình UBND Thành phố cấp phép xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền.

2. Đội Thanh tra trật tự đô thị, UBND phường, xã thường xuyên kiểm tra, phát hiện để xử lý và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm trong hoạt động xây dựng theo phân cấp quản lý.

3. UBND phường, xã chủ trì phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Đội Thanh tra trật tự đô thị thực hiện giao mốc giới xây dựng tại thực địa cho từng công trình sau khi UBND Thành phố cấp phép xây dựng.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI ĐÔ THỊ

Điều 15. Nguyên tắc quản lý bảo vệ tài nguyên đất:

1. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được giao đất phải lập hồ sơ đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất theo đúng mục đích sử dụng ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất;

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng tài nguyên đất trên địa bàn Thành phố phải tuân thủ Luật Đất đai, các quy định về bảo vệ môi trường; việc sử dụng hóa chất, phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học khác đối với đất nông nghiệp phải tuân theo các quy định của pháp luật;

3. Mọi hình thức đào bới thăm dò khai thác tài nguyên đất và tài nguyên trong lòng đất phải có kế hoạch công khai và được phép của cơ quan có thẩm quyền. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có giấy phép khai thác tài nguyên khoáng sản phải ký quỹ phục hồi môi trường và phục hồi môi trường sau khi khai thác theo quy định.

4. Cấm cho thuê đất, chuyển nhượng, chuyển đổi, cho tặng quyền sử dụng đất trái quy định của pháp luật; cấm mọi hành vi lấn chiếm đất đai, sử dụng đất không đúng mục đích và làm hủy hoại đất.

Điều 16. Trách nhiệm quản lý về đất đai trên địa bàn Thành phố:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ trì tham mưu cho UBND Thành phố trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn và có trách nhiệm:

1.1. Phối hợp với UBND phường, xã tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thành phố theo quy định;

1.2. Tham mưu việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm về quản lý sử dụng đất theo quy định của pháp

luật;

1.3. Lập hồ sơ quản lý và theo dõi sự biến động của quỹ đất đô thị.

2. UBND phường, xã có trách nhiệm quản lý chặt chẽ đất đai trên địa bàn do mình quản lý và xử lý các vi phạm về quản lý và sử dụng đất theo thẩm quyền. Những khu vực có diện tích đất đã được thu hồi để thực hiện quy hoạch nhưng không sử dụng hết, giao UBND phường, xã quản lý phần diện tích đất này, cấm việc lấn chiếm dưới mọi hình thức.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND phường, xã phải niêm yết công khai các quy định về hồ sơ, thời gian cấp giấy chứng nhận, chuyển quyền sử dụng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, bộ phận một cửa. Nghiêm cấm lợi dụng quyền hạn gây sách nhiễu, phiền hà cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

Chương V

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ

Điều 17. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

1. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình khi thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật phải xin phép cơ quan quản lý. Trong quá trình thi công phải có biện pháp đảm bảo trật tự giao thông, vệ sinh môi trường và có trách nhiệm hoàn trả mặt bằng như hiện trạng ban đầu sau khi hoàn thành công việc theo cấp phép của cơ quan quản lý;

2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi xây dựng xong phải tổ chức nghiệm thu, bàn giao để quản lý sử dụng và khai thác các công trình đó theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

3. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm bảo vệ và tham gia quản lý sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đúng mục đích;

4. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình khi phát hiện các sự cố hoặc hành vi vi phạm liên quan đến công trình hạ tầng đô thị phải báo ngay cho cơ quan quản lý hoặc UBND phường, xã sở tại biết để kịp thời xử lý.

Mục I

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 18. Những hành vi cấm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

1. Phá hoại hoặc có hành vi gián tiếp làm ảnh hưởng đến kết cấu các công trình như đường, cầu, hầm, bến phà đường bộ, đèn tín hiệu, cọc tiêu, biển báo hiệu, gương cầu, dải phân cách, hệ thống thoát nước và các công trình, thiết bị khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

2. Đào, khoan, xẻ đường trái phép; đặt, để chướng ngại vật trái phép trên đường; đặt, rải vật nhọn, đổ hóa chất, chất gây trơn trên đường; để trái phép vật liệu, phế thải,

thải rác ra đường; mở đường, đầu nối trái phép vào đường chính; lấn, chiếm hoặc sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; tự ý tháo mở nắp cống, tháo dỡ, di chuyển trái phép hoặc làm sai lệch công trình đường bộ; kinh doanh dịch vụ thường xuyên xả nước thải ra lòng đường, vỉa hè.

Điều 19. Các hoạt động cấm thực hiện trên vỉa hè, dải phân cách và dưới lòng đường bộ:

1. Hạp chợ, mua, bán hàng, bán hàng rong;
2. Tụ tập đông người trái phép;
3. Chăn thả và thả rông súc vật;
4. Phơi nông sản, thóc, lúa, rơm rạ hoặc đốt rơm rạ và để các vật dụng khác;
5. Đặt biển quảng cáo không phép, trái phép;
6. Trồng cây xanh không đúng quy định;
7. Đổ vật liệu, phế thải xây dựng không đúng nơi quy định;
8. Nấu ăn, sơ chế thực phẩm, rửa bát đĩa và xả nước thải;
9. Dụng rạp sử dụng cho việc cưới, việc tang và các việc khác dưới lòng đường;
10. Lắp đặt biển hiệu, biển quảng cáo hoặc thiết bị khác làm giảm sự chú ý, gây nhầm lẫn nội dung biển báo hiệu hoặc gây cản trở người tham gia giao thông;
11. Sử dụng vỉa hè làm nơi rửa xe, gò hàn, sửa chữa cơ khí, sản xuất kinh doanh đồ mộc, kinh doanh vật liệu xây dựng và các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác;
12. Che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông;
13. Sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự và hoạt động thể thao khác (trừ các hoạt động được phép tại khoản 1, Điều 21);
14. Xây dựng, lắp đặt bụi, bệ trái phép trên đường;
15. Xây dựng, lắp đặt, tạo lối lên xuống vỉa hè gây ảnh hưởng giao thông và hệ thống thoát nước đô thị;
16. Hành vi khác gây cản trở giao thông.

Điều 20. Quản lý và sử dụng vỉa hè:

1. Vỉa hè được sử dụng cho người đi bộ, trồng cây xanh đô thị và để bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật;
2. Đối với những tuyến đường có chiều rộng vỉa hè lớn hơn 2,5m thì 1,5m vỉa hè tại vị trí tiếp giáp các lô đất được sử dụng tạm làm nơi để xe đạp, xe máy; UBND Thành phố chỉ đạo các đơn vị chức năng tổ chức kẻ vạch, xác định vị trí vỉa hè được sử dụng tạm làm nơi để xe đạp, xe máy để UBND phường, xã quản lý và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện theo đúng quy định. Đối với những tuyến đường có chiều rộng vỉa hè nhỏ hơn 2,5m, cấm việc sử dụng tạm vỉa hè làm nơi để xe đạp, xe máy;
3. Đối với những tuyến đường có độ chênh cốt giữa vỉa hè và nền nhà lớn thì cá nhân, hộ gia đình được xây dựng cầu lên xuống cho xe ô tô, xe máy trên vỉa hè nhưng chiều dài tối đa không vượt quá 0,7m tính từ vị trí tiếp giáp lô đất trở ra. Nếu vượt quá chiều dài trên, việc xây dựng cầu lên xuống phải thực hiện theo hình thức lắp ghép, di động;
4. Cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu sử dụng tạm vỉa hè cho việc để vật liệu xây

dựng và việc tang phải xin phép UBND phường, xã nơi cư trú. Thời gian sử dụng tạm không quá 24 giờ đối với việc để vật liệu xây dựng, 48 giờ đối với việc tang kể từ khi được UBND phường, xã cho phép. Việc sử dụng tạm vỉa hè phải đảm bảo lối đi tối thiểu 1,0m cho người đi bộ, không lấn xuống lòng đường gây cản trở giao thông.

Điều 21. Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội:

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ để tiến hành các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội phải được UBND thành phố Việt Trì chấp thuận bằng thông báo phương án bảo đảm giao thông trước khi tổ chức các hoạt động.

2. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng tải thông báo phương án bảo đảm giao thông trên các phương tiện thông tin đại chúng trước 05 ngày diễn ra hoạt động; chịu trách nhiệm thu dọn và hoàn trả hiện trạng đường bộ khi kết thúc hoạt động.

3. Công an Thành phố có trách nhiệm phân luồng, bảo đảm trật tự an toàn giao thông tại khu vực diễn ra hoạt động mà UBND Thành phố đã có văn bản chấp thuận phương án đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

4. UBND phường, xã nơi tổ chức hoạt động có trách nhiệm chỉ đạo bộ phận chức năng của địa phương phối hợp tổ chức việc phân luồng, bảo đảm giao thông tại khu vực diễn ra hoạt động.

Điều 22. Đảm bảo an toàn giao thông đường bộ khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác:

1. Thi công công trình trên đường bộ đang khai thác chỉ được tiến hành khi có giấy phép hoặc ý kiến thoả thuận của cơ quan có thẩm quyền, thực hiện theo đúng nội dung của giấy phép và quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Trong quá trình thi công, đơn vị thi công phải bố trí biển báo hiệu, rào chắn tạm thời tại nơi thi công và thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn.

3. Thi công công trình trên đường đô thị phải tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các quy định sau đây:

3.1. Chỉ được đào đường để sửa chữa công trình hoặc xây dựng mới hầm kỹ thuật dọc theo đường hoặc ngang qua đường nhưng phải có kế hoạch hàng năm, thống nhất trước với cơ quan quản lý đường bộ, trừ trường hợp có sự cố đột xuất;

3.2. Phải có phương án thi công và thời gian thi công phù hợp với đặc điểm từng đường phố để không gây ùn tắc giao thông;

3.3. Khi thi công xong phải hoàn trả phần đường theo nguyên trạng; đối với công trình ngầm phải lập hồ sơ hoàn công và chuyển cho cơ quan quản lý đường bộ.

4. Đơn vị thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND Thành phố quản lý:

1. Hàng năm, trên cơ sở hiện trạng hệ thống các công trình giao thông đường bộ, Phòng Quản lý đô thị lập dự toán bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Thành phố quản lý làm cơ sở để phân bổ nguồn vốn cho công tác này.

2. Phòng Quản lý đô thị và Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm phối hợp cùng Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì đề xuất sửa chữa những hư hỏng, bất cập của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì có trách nhiệm:

3.1. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời với UBND Thành phố những hư hỏng, bất cập của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Thành phố quản lý để có phương án xử lý;

3.2. Thực hiện tốt công tác duy tu sửa chữa đường giao thông đô thị theo phân cấp và kiểm tra đề xuất xử lý vi phạm hành lang an toàn giao thông.

MỤC II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

Điều 24. Quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước sinh hoạt:

1. Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ là cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống cấp nước sinh hoạt có trách nhiệm:

1.1. Khai thác nguồn nước, đầu tư xây dựng và cải tạo trạm xử lý, mạng lưới đường ống cấp trên địa bàn Thành phố;

1.2. Đảm bảo cung cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo đúng hợp đồng ký kết;

1.3. Trường hợp thiếu nước hoặc ngừng cấp nước phải thông báo trước và có các biện pháp cần thiết để phục hồi cấp nước kịp thời;

1.4. Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời những sự cố, điểm rò rỉ trên mạng lưới đường ống;

1.5. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về an toàn và chất lượng nước sạch;

1.6. Khi thi công sửa chữa, xây dựng phát triển mạng lưới cấp nước sinh hoạt mới phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định;

1.7. Ngừng cung cấp dịch vụ đối với các công trình vi phạm trật tự xây dựng hoặc thuộc diện cưỡng chế giải phóng mặt bằng.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt phải thực hiện những yêu cầu sau:

2.1. Bảo vệ hệ thống cấp nước và nguồn nước;

2.2. Sử dụng tiết kiệm nguồn nước trong sinh hoạt;

2.3. Phải ký kết hợp đồng sử dụng nước sinh hoạt và thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

3. Cấm các hành vi tự ý đục phá, mắc nối vào hệ thống đường ống cấp nước để lấy nước, tự mở nắp hố ga van nước, điều chỉnh van nước và mở nắp họng cứu hỏa để lấy nước dùng với mục đích khác, đặt máy bơm hút nước trực tiếp từ đường ống cấp nước.

Điều 25. Quản lý sử dụng và khai thác các công trình thoát nước:

1. Hệ thống thoát nước khi được đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng phải đảm

bảo các yêu cầu kỹ thuật về đầu nối, cao độ không chế điểm thượng lưu, hạ lưu, độ dốc tiêu chuẩn, hướng thoát nước chính theo quy hoạch thoát nước chung của Thành phố.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đang sống, hoạt động, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố đều có quyền được sử dụng công trình thoát nước, có trách nhiệm bảo vệ công trình thoát nước và có nghĩa vụ chấp hành các quy định trong Quy chế này.

Điều 26. Các hành vi cấm đối với hệ thống thoát nước:

1. Đổ đất đá, vật liệu, rác, chất thải xuống ao, hồ, kênh, mương, hồ ga, cống rãnh thoát nước, gây cản trở dòng chảy hệ thống thoát nước;

2. Tự ý đầu nối dịch chuyển đường cống ngầm, hồ ga thoát nước, xả chất độc hại vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố;

3. Tự ý san, lấp kênh, mương, ao, hồ;

4. Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước;

5. Nước thải công nghiệp bị nhiễm bẩn, có chứa các chất độc hại; nước thải bệnh viện chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định; chất thải có chứa nhiều bùn cặn xả vào cống thoát nước chung.

Điều 27. Trách nhiệm quản lý khai thác công trình thoát nước trên địa bàn Thành phố:

1. Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì là đơn vị quản lý, khai thác hệ thống thoát nước có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao các công trình thoát nước được đầu tư xây dựng mới, duy tu bảo dưỡng, nạo vét khơi thông hệ thống thoát nước hiện có trên địa bàn Thành phố.

2. UBND phường, xã có trách nhiệm kiểm tra hoặc phối hợp với Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn trong việc tuân thủ các quy định về bảo vệ các công trình thoát nước, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật đối với các công trình thoát nước.

Mục III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ

Điều 28. Quản lý, khai thác hệ thống điện:

1. Hệ thống điện cao, hạ thế do ngành Điện lực quản lý, khai thác và có những trách nhiệm sau:

1.1. Đầu tư, nâng cấp và quản lý hệ thống điện theo phân cấp;

1.2. Lắp đặt đồng hồ điện và cung cấp điện cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tiêu thụ điện theo đúng hợp đồng đã ký kết;

1.3. Trường hợp mất điện hoặc ngừng cấp điện (ngoài trường hợp có sự cố) phải thông báo trước và có các biện pháp cần thiết để cấp lại kịp thời cho các khu vực bị mất điện;

1.4. Thường xuyên kiểm tra an toàn lưới điện và phát hiện kịp thời những vi phạm

làm mất an toàn hành lang lưới điện;

1.5. Ngừng cung cấp dịch vụ đối với các công trình vi phạm trật tự xây dựng hoặc thuộc diện cưỡng chế giải phóng mặt bằng.

2. Khi thi công cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống truyền tải điện phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép và có thoả thuận với UBND Thành phố về hướng tuyến, về quy cách, hình thức, vị trí cột, móng cột điện trước khi xây dựng.

Điều 29. Quản lý, sử dụng hệ thống điện chiếu sáng công cộng:

1. Hệ thống chiếu sáng được các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới và cải tạo mở rộng đều phải tuân thủ quy hoạch và hồ sơ thiết kế được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các hành vi cấm đối với hệ thống chiếu sáng công cộng:

2.1. Treo biển quảng cáo và các vật dụng khác vào cột đèn chiếu sáng khi không được phép hoặc được phép nhưng treo không đúng quy định;

2.2. Làm hư hỏng, mất các thiết bị điện chiếu sáng công cộng;

2.3. Dịch chuyển trái phép, sử dụng các thiết bị trong hệ thống chiếu sáng công cộng không đúng mục đích;

2.4. Tự ý câu móc, đấu nối trái phép lấy điện từ hệ thống điện chiếu sáng.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, tập thể tổ chức lắp đặt hệ thống chiếu sáng trong các khu dân cư và nơi công cộng theo quy hoạch.

Điều 30. Trách nhiệm quản lý sử dụng, khai thác hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn Thành phố:

1. Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn Thành phố theo quy hoạch.

2. Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì là đơn vị quản lý, vận hành, khai thác hệ thống chiếu sáng công cộng của Thành phố có trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng theo quy định.

3. UBND phường, xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng, huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác xây dựng và quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng.

5. Mọi người dân sinh sống trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm bảo vệ hệ thống chiếu sáng. Khi phát hiện các sự cố trên hệ thống hoặc có các hành vi vi phạm phải báo ngay cho Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì hoặc UBND phường, xã sở tại biết để kịp thời xử lý.

Chương VI

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG, CÂY XANH, CÔNG VIÊN VÀ NGHĨA TRANG

Mục I

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ

Điều 31. Quản lý môi trường không khí.

1. Môi trường không khí được quản lý, bảo vệ phù hợp với quy định chung của pháp luật và các quy định của địa phương, phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi có phát tán bụi, khí thải phải có trách nhiệm kiểm soát và xử lý bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

3. Bụi, khí thải có yếu tố nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

4. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, chủ phương tiện giao thông vận tải; các cơ sở kinh doanh dịch vụ, hộ gia đình chăn nuôi nếu gây bụi và thải các khí độc hại ra môi trường đều bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 32. Quy định về tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ và khí thải:

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, công trình xây dựng gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ vượt quá tiêu chuẩn cho phép, phải thực hiện biện pháp khắc phục ngay, đạt tiêu chuẩn quy định không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, sức khỏe của cộng đồng dân cư.

2. Cấm sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu, thiết bị, phương tiện thải khí độc hại; hoạt động, hành vi gây bụi, đốt chất thải trong đô thị và thải khí độc hại, các mùi hôi, thối ra môi trường.

3. Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung vào các làng nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điều 33. Quản lý thu gom, xử lý chất thải:

1. Mọi chất thải trong đô thị phải được thu gom kịp thời và xử lý đúng quy định.

2. Công tác quét dọn, thu gom, vận chuyển rác thải trên các tuyến đường, phố chính được thực hiện vào ban đêm và phải hoàn thành trước 6 giờ sáng.

3. Công tác thu gom rác ở các tổ chức được thực hiện thông qua hợp đồng; đơn vị thu gom có trách nhiệm thu gom theo lịch trình và thời gian quy định.

4. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình kinh doanh trong các lĩnh vực: Chợ, mua bán hàng hóa, nhà hàng ăn uống, khách sạn, dịch vụ công cộng khác phải có nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn; thực hiện việc quét dọn vệ sinh trong khu vực cửa hàng cửa hiệu, đổ rác thải đúng giờ, đúng nơi quy định, đóng đầy đủ các khoản phí, lệ phí vệ sinh và phải có cam kết về vệ sinh môi trường.

5. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn y tế, chất thải khí, tiếng ồn phải có biện pháp xử lý đảm bảo các quy định tiêu chuẩn môi trường.

6. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có phế thải xây dựng phải có trách nhiệm vận chuyển đến bãi chứa phế thải tập trung của Thành phố.

7. Khuyến khích việc tự phân loại rác thải của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

Điều 34. Trách nhiệm quản lý môi trường đô thị trên địa bàn Thành phố:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ trì tham mưu cho UBND Thành phố trong lĩnh vực quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn Thành phố.

2. Phòng Quản lý đô thị phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì và UBND phường, xã trong việc lựa

chọn địa điểm, bố trí các điểm tập kết rác thải tạm thời tại các khu dân cư để đảm bảo môi trường sống của nhân dân.

3. Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và phối hợp xử lý rác thải trên địa bàn được giao. Quản lý và vận hành các công trình xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác của Thành phố. Có kế hoạch đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, cũng như các trang bị cần thiết phục vụ công tác thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị.

4. UBND phường, xã:

4.1. Chịu trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn thực hiện tốt những quy định về giữ gìn, bảo vệ môi trường; tham gia các hoạt động làm sạch môi trường và đóng đầy đủ, đúng hạn các khoản phí, lệ phí môi trường theo quy định;

4.2. Thành lập và duy trì hoạt động mô hình đội vệ sinh tự quản ở các khu dân cư, huy động nguồn lực đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường trên các tuyến đường khu dân cư do phường, xã quản lý;

4.3. Kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

5. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, tuyên truyền vận động và tham gia các hoạt động do Thành phố và phường, xã phát động về bảo vệ môi trường.

Mục II

QUẢN LÝ CÂY XANH, CÔNG VIÊN ĐÔ THỊ

Điều 35. Quy định về quản lý cây xanh đô thị trong Thành phố:

1. Đối với cây xanh trên đường phố:

1.1. Cây bóng mát trồng trên đường phố phải đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật và khoảng cách cây trồng, chiều cao, đường kính cây;

1.2. Việc lựa chọn các hình thức bố trí cây, loại cây trồng trên đường phố phải phù hợp với từng loại đường phố, đặc thù của đô thị và phải bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông. Tại các đảo giao thông việc bố trí các loại cây xanh phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn giao thông;

1.3. Cây xanh được trồng dưới đường dây điện phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của pháp luật về điện lực;

1.4. Trên các tuyến đường phố đô thị cây bóng mát phải được đánh số cây để lập hồ sơ quản lý cây và định kỳ kiểm tra, chăm sóc theo quy trình kỹ thuật quy định.

2. Đối với cây xanh trồng trong công viên, vườn hoa, quảng trường, ven hồ nước, hai bên bờ sông và các khu vực công cộng khác của đô thị phải tuân thủ quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên, vườn hoa hoặc quy hoạch chi tiết đô thị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Cây xanh đô thị phải được đầu tư phát triển theo kế hoạch hàng năm của đô thị.

Điều 36. Các hành vi cấm đối với cây xanh đô thị:

1. Trồng các loại cây trong danh mục cây cấm trồng; trồng các loại cây trong danh mục cây trồng hạn chế khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;
2. Trồng cây xanh che khuất biển báo hiệu đường bộ và đèn tín hiệu giao thông;
3. Tự ý trồng cây trên hè, dải phân cách, nút giao thông và các khu vực công cộng không đúng quy định;
4. Tự ý chặt hạ, dịch chuyển, chặt nhánh, tia cành, đào gốc, chặt rễ cây khi chưa được cấp phép;
5. Đục khoét, đóng đinh vào cây, lột vỏ thân cây; đổ rác, chất độc hại và vật liệu xây dựng vào gốc cây; phóng uế, đun nấu, đốt gốc, xây bục, bệ quanh gốc cây;
6. Treo, gắn biển quảng cáo, biển hiệu và các vật dụng khác trên cây; giăng dây, giăng đèn trang trí vào cây khi chưa được phép;
7. Lấn chiếm, xây dựng công trình trái phép trên đất cây xanh hiện có hoặc đã được xác định trong quy hoạch đô thị và ngăn cản việc trồng cây xanh theo quy định.
8. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị:

1. Điều kiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị:
 - 1.1. Cây đã chết, bị đổ gãy hoặc có nguy cơ đổ gãy gây nguy hiểm;
 - 1.2. Cây xanh bị bệnh hoặc đến tuổi già cỗi không đảm bảo an toàn;
 - 1.3. Cây xanh trong các khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình;
2. Các trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị phải có giấy phép của cơ quan quản lý:
 - 2.1. Cây trong danh mục cây bảo tồn;
 - 2.2. Cây bóng mát trên đường phố; cây bảo tồn; cây đã được đánh số, treo biển trong công viên, vườn hoa, các khu vực công cộng và các khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - 2.3. Cây bóng mát có chiều cao từ 10m trở lên trong khuôn viên của các cơ quan, tổ chức.
3. Các trường hợp được miễn giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị là: chặt hạ do tình thế khẩn cấp, do thiên tai hoặc cây đã chết, đã bị đổ gãy. Trước khi chặt hạ, dịch chuyển phải có biên bản, ảnh chụp hiện trạng và phải báo cáo lại cơ quan quản lý cây xanh đô thị chậm nhất trong vòng 5 ngày kể từ ngày thực hiện xong.

Điều 38. Trách nhiệm quản lý về cây xanh đô thị trên địa bàn Thành phố:

1. Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì là đơn vị quản lý, duy trì, chăm sóc cây xanh dọc các tuyến đường giao thông, trong công viên, vườn hoa, cây xanh và thảm cỏ tại quảng trường và các khu vực công cộng khác trên địa bàn Thành phố.
2. UBND phường, xã có trách nhiệm phối hợp với Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì trong lĩnh vực quản lý bảo vệ cây xanh đô thị, kịp thời phát hiện xử lý các hành vi vi phạm; phát hiện những cây có khả năng gây mất an toàn cho

hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc công trình dân dụng, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân để tiến hành các biện pháp xử lý kịp thời.

Mục III

QUẢN LÝ NGHĨA TRANG ĐÔ THỊ

Điều 39. Quy định về việc chôn cất người chết và quản lý nghĩa trang.

1. Việc chôn cất người chết theo địa táng và khuyến khích hỏa táng, điện táng.
2. Người chết phải được chôn cất tại nghĩa trang Thành phố hoặc các nghĩa trang khác đã được quy hoạch.
3. Các hành vi bị cấm:
 - 3.1. Xây dựng nghĩa trang không phép, sai phép, không theo quy hoạch hoặc không phù hợp quy hoạch được duyệt;
 - 3.2. Xây dựng mộ bia và các công trình trong nghĩa trang không theo quy định về quản lý kiến trúc và quy chế quản lý nghĩa trang; tự ý di dời phân mộ trong nghĩa trang không được cơ quan quản lý nghĩa trang cho phép;
 - 3.3. Làm hư hại bia mộ, lập mộ giả, phá hoại các công trình xây dựng trong nghĩa trang;
 - 3.4. Cung cấp thông tin làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp và sử dụng dịch vụ nghĩa trang;
 - 3.5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi hoặc can thiệp trái phép vào các hoạt động quản lý nghĩa trang;
 - 3.6. Lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước để thực hiện kinh doanh dịch vụ nghĩa trang trái pháp luật;
 - 3.7. Không chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về đóng cửa nghĩa trang, di chuyển nghĩa trang; an táng người chết trong các nghĩa trang đã bị đóng cửa.

Điều 40. Trách nhiệm quản lý nhà tang lễ, nghĩa trang trên địa bàn Thành phố.

1. Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì có trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục mai táng người chết, di chuyển hài cốt theo đúng quy định. Quản lý bảo vệ nghĩa trang, thực hiện các dịch vụ chôn cất, cải táng, an táng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có yêu cầu.
2. UBND phường, xã có nghĩa trang riêng phải thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.
3. Tổ chức, thân nhân của người chết có trách nhiệm phải khai báo với chính quyền sở tại về khai tử, thời gian tang lễ, thời gian chôn cất, cải táng. Đồng thời làm các thủ tục tang lễ chôn cất, cải táng với Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì, các đơn vị quản lý nghĩa trang ở phường, xã theo đúng quy định.

Chương VII

THỰC HIỆN NẾP SỐNG VĂN MINH ĐÔ THỊ

Điều 41. Quy định về các hoạt động văn hóa.

1. Việc tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, các lễ hội, các hoạt động thể dục thể thao có huy động quần chúng tham gia thì đơn vị đứng ra tổ chức phải báo cáo với cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2. Khi tổ chức lễ hội phải phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc, tín ngưỡng, phong tục tập quán lành mạnh của địa phương và mang ý nghĩa, mục đích giáo dục truyền thống, đảm bảo an toàn. Cấm mọi hành vi lợi dụng lễ hội để tuyên truyền phản cách mạng, gây mất trật tự an ninh, tuyên truyền trái pháp luật, chia rẽ đoàn kết dân tộc, hành nghề mê tín dị đoan, truyền bá nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động, bạo lực và tự ý quyên góp kinh phí hoạt động, gây lãng phí tiền của nhân dân.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động văn hóa lành mạnh, giàu bản sắc dân tộc, đáp ứng đời sống tinh thần của nhân dân. Xây dựng các địa điểm vui chơi giải trí lành mạnh nhưng phải phù hợp với quy hoạch.

4. Tuyên truyền quảng cáo phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mỹ quan và phải được Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và UBND Thành phố cho phép.

5. Cấm tổ chức, cá nhân, hộ gia đình kinh doanh, nhà hàng, quán cà phê, vũ trường gây tiếng ồn hoặc dùng loa nén có công suất lớn phát ra không gian (khi tổ chức văn nghệ, thể dục thể thao, karaoke, quảng cáo, cưới hỏi, việc tang...) làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của dân cư trong khu vực. Các hoạt động nói trên không được thực hiện trước 6 giờ sáng và sau 22 giờ đêm.

6. Cấm tụ tập đánh bài, bạc ở nơi công cộng, đường phố.

7. Cấm quảng cáo bằng loa phóng thanh hoặc rao vặt, rải tờ rơi, in, vẽ, viết lên tường; treo (chăng, dựng) cờ, băng rôn, pa nô, áp phích, biển hiệu, biển quảng cáo trái quy định của pháp luật, của UBND tỉnh, không phù hợp với thuần phong mỹ tục và ảnh hưởng đến mỹ quan chung.

8. Cấm đeo bám, nài ép, chèo kéo, tranh giành, gây phiền hà cho khách và có lời ăn tiếng nói hoặc cử chỉ thô tục bất lịch sự với khách du lịch.

Điều 42. Về việc cưới:

1. Việc tổ chức lễ cưới tại gia đình hoặc tại địa điểm cưới phải thực hiện các quy định sau:

1.1. Đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình; phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hoá của địa phương, dân tộc, tôn giáo; phù hợp với nếp sống văn minh đô thị, hoàn cảnh gia đình, tiết kiệm, vui tươi, lành mạnh và không để xảy ra tình trạng say bia, rượu trong tiệc cưới;

1.2. Các thủ tục chạm ngõ, ăn hỏi, rước dâu cần được tổ chức theo phong tục, tập quán, không rườm rà và nặng nề đòi hỏi lễ vật; tiệc cưới phù hợp với hoàn cảnh gia đình, không phô trương, lãng phí;

1.3. Địa điểm cưới do hai gia đình lựa chọn; thời gian tổ chức tiệc cưới không làm ảnh hưởng đến thời gian lao động của Nhà nước; chỉ mời khách dự tiệc cưới trong phạm vi gia đình, họ tộc thân thích, bạn bè và đồng nghiệp thân thiết;

1.4. Trang trí lễ cưới cần giản dị, không phô trương; trang phục cô dâu, chú rể đẹp

và lịch sự, phù hợp với văn hoá dân tộc;

1.5. Âm nhạc trong đám cưới phải lành mạnh, vui tươi; âm thanh đảm bảo không vượt quá độ ồn cho phép; không mở nhạc trước 6 giờ sáng và sau 22 giờ đêm.

2. Khuyến khích thực hiện các hoạt động sau trong tổ chức việc cưới;

2.1. Tổ chức lễ cưới tại nhà văn hoá khu dân cư.

2.2. Dùng hình thức báo hỷ thay cho mời dự lễ cưới, tiệc cưới;

2.3. Chỉ tổ chức tiệc trà, tiệc ngọt trong lễ cưới;

2.4. Cơ quan, tổ chức đứng ra tổ chức lễ cưới;

2.5. Cô dâu, chú rể và gia đình đặt hoa tại đài tưởng niệm liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, di tích lịch sử - văn hoá; trồng cây lưu niệm tại địa phương trong ngày cưới;

2.6. Cô dâu, chú rể và gia đình mặc trang phục truyền thống hoặc trang phục của dân tộc mình trong ngày cưới;

3. Các cá nhân, gia đình cán bộ đảng viên, công chức phải gương mẫu, coi đây là chỉ tiêu bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm.

Điều 43. Về việc tang:

1. Việc tang phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về y tế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi có người qua đời, gia đình hoặc thân nhân phải làm thủ tục khai tử trước khi tổ chức lễ tang theo quy định của pháp luật.

3. Lễ tang do gia đình người qua đời quyết định tổ chức tại nhà hoặc tại địa điểm công cộng.

4. Lễ tang do Ban tổ chức tang lễ phối hợp với gia đình người chết thống nhất quyết định những vấn đề liên quan đến việc tổ chức tang lễ.

5. Ban lễ tang kết hợp với gia đình tổ chức lễ phúng viếng, đưa tang trang trọng, trật tự, tiết kiệm.

6. Nếu người chết không có gia đình hoặc thân nhân đứng ra tổ chức lễ tang thì UBND phường, xã phối hợp với các đoàn thể quần chúng chịu trách nhiệm tổ chức khâm liệm và mai táng chu đáo theo phong tục truyền thống.

7. Lễ tang được tổ chức tại nhà hoặc tại địa điểm công cộng phải thực hiện các quy định sau:

7.1. Lễ tang phải được tổ chức chu đáo, trang nghiêm, tiết kiệm, phù hợp với tập quán, truyền thống văn hoá dân tộc và hoàn cảnh gia đình người chết;

7.2. UBND phường, xã có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lễ tang chu đáo; vận động gia đình có người chết xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, các hành vi mê tín dị đoan trong lễ tang;

7.3. Việc quàn ướp, khâm liệm thi hài và chôn cất người chết phải thực hiện theo quy định của Bộ Y tế về vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng;

7.4. Việc mặc tang phục và treo cờ tang trong lễ tang thực hiện theo truyền thống của địa phương, dân tộc và tôn giáo; chỉ treo cờ tang tại địa điểm tổ chức lễ tang;

7.5. Không cử nhạc tang trước 6 giờ sáng và sau 22 giờ đêm; âm thanh đảm bảo

không vượt quá độ ồn cho phép;

7.6. Trường hợp người qua đời theo một tôn giáo hoặc là đồng bào dân tộc thiểu số, trong lễ tang được sử dụng nhạc tang của tôn giáo hoặc của dân tộc thiểu số đó; không sử dụng các nhạc khúc không phù hợp trong lễ tang;

7.7. Việc tổ chức ăn uống trong lễ tang chỉ thực hiện trong nội bộ gia đình, dòng họ và phải đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm;

7.8. Cấm lợi dụng việc tang để hành nghề mê tín dị đoan dưới mọi hình thức; cấm lợi dụng việc tang để cản trở việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân trước pháp luật;

7.9. Cấm rải tiền Việt Nam, các loại tiền của nước ngoài và vàng mã trên đường đưa tang;

8. Lễ tang của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân), khi tổ chức, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải thực hiện theo các quy định của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức và quy định của cơ quan.

9. Khuyến khích các hoạt động sau trong tổ chức việc tang:

9.1. Tổ chức lễ tang tại nhà tang lễ;

9.2. Các nghi thức cúng ba ngày, bảy ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu, giỗ hết, cải táng chỉ thực hiện trong ngày và trong nội bộ gia đình, dòng họ;

9.3. Thực hiện hình thức hỏa táng, điện táng, hung táng một lần vào khu vực nghĩa trang đã được quy hoạch;

9.4. Xoá bỏ các hủ tục mê tín lạc hậu như yểm bùa, trừ tà, lăn đường, khóc mướn và những nghi thức rườm rà khác.

Điều 44. Tổ chức lễ hội:

1. Quy định khi tổ chức lễ hội:

1.1. Nghi thức lễ hội phải được tiến hành trang trọng, phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc;

1.2. Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc phải được treo nơi trang trọng, cao hơn cờ hội, cờ tôn giáo; chỉ treo cờ hội, cờ tôn giáo tại địa điểm lễ hội và trong thời gian tổ chức lễ hội;

1.3. Chỉ được bán vé vào dự lễ hội khi được phép của cơ quan có thẩm quyền;

1.4. Nếu tổ chức các trò chơi, trò diễn, biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, trưng bày triển lãm trong khu vực lễ hội thì được bán vé cho các hoạt động đó; giá vé thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân khi tham gia lễ hội, phải thực hiện các quy định sau:

2.1. Thực hiện đúng nội quy, quy định của Ban tổ chức lễ hội;

2.2. Thắp hương, đốt vàng mã trong khu vực lễ hội phải đúng nơi quy định của Ban tổ chức;

2.3. Trang phục đẹp, lịch sự, phù hợp với thuần phong mỹ tục;

2.4. Không nói tục, xúc phạm tâm linh và ảnh hưởng xấu tới không khí trang nghiêm của lễ hội;

2.5. Ứng xử có văn hoá trong hoạt động lễ hội;

2.6. Bỏ rác vào nơi quy định, giữ gìn vệ sinh môi trường;

2.7. Bảo đảm trật tự, an ninh khi dự lễ hội; không đốt pháo, thả đèn trời;

2.8. Cấm lợi dụng lễ hội để hành nghề mê tín dị đoan như xem số, xem bói, gọi hồn, cầu cơ, sấm truyền, yểm bùa, trừ tà, phù phép chữa bệnh.

3. Khuyến khích các hoạt động sau trong tổ chức lễ hội:

3.1. Tổ chức giới thiệu ý nghĩa lịch sử của lễ hội, giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam;

3.2. Tưởng nhớ công đức của ông cha, ghi nhận công lao của các bậc tiền bối trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc;

3.3. Tổ chức các trò chơi dân gian, trò chơi mới và các hoạt động văn hoá, thể thao có nội dung bổ ích, lành mạnh, phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm của lễ hội.

Điều 45. Trách nhiệm quản lý các hoạt động văn hóa trên địa bàn Thành phố:

1. Phòng Văn hóa và thông tin là đơn vị chủ trì tham mưu cho UBND Thành phố tổ chức việc quản lý, thanh tra kiểm tra đối với tất cả các hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

2. UBND phường, xã:

2.1. Tổ chức tuyên truyền, vận động hướng dẫn tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn thực hiện tốt những hương ước, quy ước của làng xã và khu dân cư, quy định của phường, xã và nội dung Quy chế này;

2.2. Chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng của Thành phố và các ngành liên quan kiểm tra, phát hiện và xử lý những vi phạm theo quy định.

Chương VIII

ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐÔ THỊ

Điều 46. Quy tắc dừng, đỗ xe trên đường bộ.

1. Người điều khiển phương tiện không được dừng xe, đỗ xe tại các vị trí sau đây:

1.1. Tại những nơi có biển cấm dừng, đỗ xe;

1.2. Bên trái đường một chiều;

1.3. Trên các đoạn đường cong và gần đầu dốc tầm nhìn bị che khuất;

1.4. Trên cầu, gầm cầu vượt;

1.5. Song song với một xe khác đang dừng, đỗ;

1.6. Trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường;

1.7. Nơi đường giao nhau và trong phạm vi 5,0m tính từ mép đường giao nhau;

1.8. Nơi dừng của xe buýt;

1.9. Trước cổng và trong phạm vi 5,0m hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức;

1.10. Tại nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe;

1.11. Trong phạm vi an toàn của đường sắt;

- 1.12. Trên miệng cống thoát nước;
- 1.13. Trên miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế;
- 1.14. Chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước;
- 1.15. Che khuất biển báo hiệu đường bộ.

2. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường phố phải dừng, đỗ sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình; bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,25m và không gây cản trở, nguy hiểm cho giao thông. Trường hợp đường phố hẹp, phải dừng xe, đỗ xe ở vị trí cách xe ô tô đang đỗ bên kia đường tối thiểu 20,0m.

Điều 47. Quy tắc tham gia giao thông đối với người đi bộ.

1. Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường; trường hợp không có hè phố, lề đường thì phải đi sát mép đường, lề đường bên phải.

2. Nơi không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ thì khi qua đường người đi bộ phải quan sát các xe các hướng đang đi tới để qua đường an toàn, nhường đường cho các phương tiện giao thông đang đi trên đường và tự chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn khi qua đường.

3. Nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ thì khi qua đường người đi bộ phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn và qua đường đúng các vị trí đó.

4. Trên đường có dải phân cách, người đi bộ không được vượt qua dải phân cách.

5. Trẻ em dưới 7 tuổi khi qua đường đô thị phải có người lớn dẫn dắt.

6. Người khuyết tật sử dụng xe lăn không có động cơ được đi trên hè phố và nơi có vạch kẻ đường cho người đi bộ.

7. Người khiếm thị khi đi trên đường phố phải có người dắt hoặc có công cụ để báo hiệu cho người khác nhận biết đó là người khiếm thị.

Điều 48. Các hành vi cấm đối với người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ:

1. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; xe tự chế, xe không được phép lưu hành tham gia giao thông đường bộ;

2. Vượt xe, chuyển hướng xe, lùi xe, tránh xe đi ngược chiều và dừng xe, đỗ xe không đúng quy tắc giao thông đường bộ;

3. Đua xe, cổ vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng;

4. Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy;

5. Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;

6. Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở;

7. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe theo quy định;

8. Điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng;

9. Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu;
10. Xe máy, xe đạp đi dàn hàng ngang và đi không đúng phần đường quy định;
11. Sử dụng ô, điện thoại di động trong khi điều khiển phương tiện;
12. Người điều khiển và người ngồi trên xe mô tô hai bánh, mô tô ba bánh, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm, đội mũ bảo hiểm không đảm bảo chất lượng hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai, cài quai không đúng quy định;
13. Điều khiển phương tiện xe cơ giới để kéo, đẩy các phương tiện khác, vật khác, mang vác và chở công kênh;
14. Buông cả hai tay hoặc đi bằng một bánh (đối với xe hai bánh), bằng hai bánh (đối với xe ba bánh);
15. Xe quá khổ, quá tải đi vào các tuyến đường quy định hạn chế tải trọng mà không có giấy phép của cơ quan quản lý đường bộ; hoạt động không đúng giờ đối với các loại phương tiện đã quy định giờ hoạt động;
16. Vận chuyển hàng rời không che, đậy, bịt bằng bạt theo đúng quy định hoặc làm rơi vãi ra đường;
17. Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 6 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư, trừ các xe được quyền ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ;
18. Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã;
19. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm và hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ;
20. Mặc quần áo lót, quần áo hở hang, phản cảm khi tham gia giao thông.

Điều 49. Trách nhiệm đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố.

1. Phòng Quản lý đô thị là cơ quan thường trực của Ban an toàn giao thông thành phố, có nhiệm vụ thay mặt Trưởng ban điều hành các công việc thường xuyên về công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn.

2. Công an Thành phố:

2.1. Chịu trách nhiệm về công tác tuần tra, phát hiện và xử lý vi phạm đối với người điều khiển các phương tiện tham gia giao thông;

2.2. Duy trì hướng dẫn người tham gia giao thông chấp hành đúng quy tắc giao thông, đặc biệt tại các nút giao thông vào các giờ cao điểm;

2.3. Khi có tình huống gây ách tắc giao thông hoặc có yêu cầu cần thiết khác về bảo đảm an ninh, trật tự được đình chỉ đi lại ở một số đoạn đường nhất định, phân lại luồng, phân lại tuyến và nơi tạm dừng, đỗ xe.

3. Đội thanh tra trật tự đô thị thường xuyên kiểm tra phát hiện và đề xuất xử lý các hiện tượng chiếm dụng hè phố, hành lang an toàn giao thông để sử dụng ngoài mục đích giao thông.

4. UBND phường, xã:

4.1. Chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trực tiếp quản lý hè phố vào mục đích giao thông công cộng và hành lang an toàn giao thông trên địa bàn;

4.2. Phối hợp với các ngành, cơ quan liên quan làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông đô thị và an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật;

Chương IX

QUẢN LÝ AN NINH TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

Điều 50. Tất cả các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đăng ký thường trú, tạm trú hoặc đến tham quan du lịch trong thành phố, phải có trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự ở nơi làm việc, nơi cư trú, nơi tham quan. Khi có người tạm trú, tạm vắng phải khai báo tại các điểm đăng ký tạm trú, tạm vắng của tổ dân phố và khu dân cư nơi cư trú.

Cấm các hành vi vi phạm an ninh trật tự ở trong các tổ chức, khu dân cư hoặc nơi công cộng khác như: Tổ chức các hoạt động tụ tập, kích động, gây rối trật tự và các hành vi xâm phạm đến tài sản, sức khỏe và tính mạng người khác.

Điều 51. Hoạt động kinh doanh trong một số lĩnh vực của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ngoài các giấy cho phép hoạt động của các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự của cơ quan Công an có thẩm quyền mới được thực hiện hoạt động.

Cấm các hành vi vi phạm các quy định về phòng cháy, chữa cháy, phòng chống ma túy và bảo vệ tài liệu mật của Nhà nước.

Điều 52. Trách nhiệm quản lý công tác an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

1. Công an Thành phố xây dựng phương án thực hiện giữ gìn trật tự trị an trên địa bàn, phân công trách nhiệm cho Công an phường, xã thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm những quy định về giữ gìn trật tự an toàn xã hội và những quy định của Quy chế này.

2. UBND phường, xã chịu trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn thực hiện nghiêm quy định pháp luật trong việc giữ gìn đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội; tổ chức và củng cố hoạt động của các đội an ninh cơ sở.

Chương X

KIỂM TRA XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 53. Quy định về trách nhiệm kiểm tra, thanh tra.

1. UBND Thành phố:

1.1. Chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị, Đội thanh tra trật tự đô thị, UBND phường, xã và các ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm hành chính về quản lý đô thị và các quy định trong bản Quy chế này;

1.2. Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành của tỉnh trong việc kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý, đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn cấp dưới nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý đô thị.

2. UBND phường, xã thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn. Chỉ đạo Công an phường, xã, cán bộ địa chính, cán bộ trật tự đô thị kịp thời kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các vi phạm về trật tự công cộng, vệ sinh môi trường, các tệ nạn xã hội, các vi phạm về quản lý quy hoạch, xây dựng.

Điều 54. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

1. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện và vận động mọi người cùng thực hiện tốt các quy định của Quy chế này sẽ được biểu dương khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình vi phạm các điều khoản của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 55. Giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

1. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có quyền tố cáo các hành vi vi phạm Quy chế của tổ chức, cá nhân.

2. Cơ quan nhận được kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét và giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương XI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 56. Tổ chức thực hiện.

1. UBND Thành phố căn cứ vào yêu cầu và tình hình thực tế trong từng giai đoạn của quá trình phát triển đô thị thống nhất triển khai thực hiện việc quản lý đô thị theo đúng các điều khoản của Quy chế này trên địa bàn Thành phố. Tổ chức tổng kết hàng năm, đánh giá việc thực hiện Quy chế, đưa ra những tồn tại, hạn chế để có giải pháp thực hiện hiệu quả đối với những đơn vị được phân cấp.

2. Chủ tịch UBND phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố, thủ trưởng các cơ quan quản lý chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm, tổ chức triển khai thực hiện bản Quy chế này.

3. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đang sinh sống, làm việc và tham gia các hoạt động liên quan đến lĩnh vực quản lý đô thị trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm chấp hành và thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2013, được áp dụng trên địa bàn thành phố Việt Trì; các quy định do UBND Thành phố ban hành trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ./.